TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2022.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lý Tuấn Hải.
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2022, về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Danh T – sinh năm 1992, có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: ấp A, xã Th, huyện G, tỉnh K.
2. Bị đơn: Bà Trần Thị N - sinh năm 1995, vắng mặt.
Địa chỉ: ấp A, xã Th, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2022, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Danh T như sau: Ông kết hôn với bà Trần Thị N vào năm 2021, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/3/2021.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống hạnh phúc được gần 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và bà Nở bỏ nhà đi từ ngày 05/01/2022 cho đến nay nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân, ông xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, ông không còn tình cảm yêu thương bà Trần Thị N nên ông yêu cầu tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị N.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng ông không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông cam đoan vợ chồng ông không có nợ chung.

Nguyện vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xin được ly hôn với bà Trần Thị N.

Về con chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị N đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng bà Trần Thị N không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của bà Trần Thị N.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Đối với nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho ông Danh T được ly hôn với bà Trần Thị N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Danh T và bà Trần Thị N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Danh T là nguyên đơn trong vụ kiện, ông Tiền có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Danh T là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị N là bị đơn trong vụ án, bà Trần Thị N có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi bà đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay bà Trần Thị N vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Ngày 09/3/2022, Tòa án có làm việc với ông Võ Văn V, là trưởng ấp H, xã Th, huyện Gò Quao để xác minh về hôn nhân của ông Danh T và bà Trần Thị N thì được ông V cung cấp thông tin rằng bà Trần Thị N hiện vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa phương, bà Trần Thị N rời địa phương đi từ tháng 01/2022 và

đi đâu ông không rõ. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Danh T và bà Trần Thị N, thì ông V không nắm được, về con chung thì giữa họ không con chung với nhau, ở địa phương cũng không có ai tranh chấp nợ nần gì với họ. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng nơi bà Trần Thị N có hộ khẩu thường trú theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà Trần Thị N vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Trần Thị N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Ông Danh T và bà Trần Thị N kết hôn với nhau vào năm 2021, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26, ngày 08/3/2021, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của ông Danh T và bà Trần Thị N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của ông Danh T và bà Trần Thị N là hôn nhân tự nguyện nhưng vợ chồng bà chưa tìm hiểu kỹ cá tính của nhau nên khi sống chung đã bộc lộ những cá tính không phù hợp dẫn đến mâu thuẫn không tự giải quyết được. Ông Danh T cho rằng vợ chồng ông tính tình không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và từ ngày 05/01/2022 bà Nở bỏ nhà đi nên vợ chồng ông sống ly thân từ đó cho đến nay. Ngày 11/4/2022 và ngày 27/4/2022, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng bà Trần Thị N không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay yêu cầu gì của bà Trần Thị N. Xét thấy, vợ chồng ông Danh T và bà Trần Thị N đã sống ly thân với nhau tính đến ngày xét xử là gần 05 tháng, trong thời gian này, bà Trần Thị N không liên lạc với ông Tiền, điều đó chứng minh bà Trần Thị N không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này, cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Ông Danh T có đơn xin ly hôn với bà Trần Thị N và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương bà Trần Thị N, vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Danh T.

[4]. Về con chung: Ông Danh T và bà Trần Thị N không có con chung nên ông Danh T không yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Danh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Tại phiên tòa, sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Danh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006681, ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Danh T.

Về hôn nhân: Xử cho ông Danh T và bà Trần Thị N được ly hôn với nhau.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Danh T phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006681, ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang